

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HS-ST

Ngày 23 – 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Mai Hiền và Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2026/TLST- HS ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Cô Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 8 năm 2000 tại xã B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004200005651; Nơi cư trú: xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Lô Lô; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cô Văn L, sinh năm 1979 và bà Lang Thị R, sinh năm 1976; vợ: Hoàng Thị V, sinh năm 2003; con: 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/9/2025 bị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số: 30/2025/HS-ST; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2025, hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Phân trại tạm giam BL thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bế Kim T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- Bị hại: Hoàng Thị V, sinh ngày 27/6/2003; Nơi cư trú: xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra vào ngày

03/6/2025 tại xóm N, xã L, tỉnh Cao Bằng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã phát hiện ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, Cô Văn C còn thực hiện hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi vào năm 2018. Do vậy, ngày 10/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tách hành vi giao cấu của Cô Văn C để xử lý riêng.

Kết quả điều tra như sau: Cô Văn C, sinh ngày 04/8/2000 và Hoàng Thị V, sinh ngày 27/6/2003 quen biết nhau từ nhỏ, cùng sinh sống tại xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng. Vào cuối năm 2018, Hoàng Thị V tự nguyện đến chung sống như vợ chồng với C1 Văn C tại nhà của C, hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống tại nhà của C, C và V đã nhiều lần có quan hệ tình dục tại phòng ngủ của C. Đến ngày 01/10/2019, Hoàng Thị V sinh con thứ nhất là Cô Thị Trà M. Ngày 08/6/2022, C và V đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Cao Bằng), đến ngày 18/8/2024 V sinh con thứ hai là Cô Khánh V1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định về quan hệ huyết thống giữa Cô Văn C và Cô Thị Trà M. Kết luận giám định số: 6281/KL-KTHS ngày 03/9/2025 của V2 - Bộ C2, kết luận: Cô Văn C và Cô Thị Trà M có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ.

Bản Cáo trạng số 07A/CT-VKSCBG-KV ngày 24/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo Cô Văn C về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, quy định tại điểm a, d, khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu. Bị hại Hoàng Thị V trình bày, vào cuối năm 2018 chị tự nguyện đến nhà bị cáo Cao chung sống như vợ chồng, hiện nay chị và bị cáo đã kết hôn, có 02 con chung còn nhỏ, một con 07 tuổi một con 02 tuổi, bị cáo C là lao động chính trong gia đình, chị đã được gia đình Cao bồi T1 số tiền 3.000.000 đồng, chị không yêu cầu bồi thường thêm. Chị đề nghị xin giảm nhẹ nhất hình phạt cho bị cáo C để C sớm trở về cùng chị chăm sóc các con.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh, đề nghị tuyên bố bị cáo Cô Văn C phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

+ Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a, d, khoản 2, Điều 145; điểm s, b, m, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo C từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với hình phạt 02 năm tù của bản án Bản án số: 30/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng.

+ Về án phí: Căn cứ vào quy định của pháp luật, đề nghị miễn án phí cho bị cáo Cô Văn C.

Người bào chữa cho bị cáo Cô Văn C là ông Bế Kim T tranh luận: ông T nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 5 – Cao Bằng truy tố bị cáo Cô Văn C về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo điểm a, d, khoản 2, Điều 145 của Bộ luật Hình sự. Ông T đề nghị xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, hiện nay bị cáo và bị hại có 02 con còn rất nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người dân tộc Lô Lô, dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo bị ảnh hưởng bởi phong tục tập quán lạc hậu tại địa phương, bị cáo không biết việc quan hệ tình dục với người dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại vì hiện nay cả hai đã là vợ chồng, có sống hạnh phúc nhưng trước phiên tòa, gia đình bị cáo vẫn bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm m, s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị cho được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hoàng Thị V không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời trình bày của bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Cô Văn C sinh ngày 04/8/2000 và Hoàng Thị V, sinh ngày 27/6/2003 quen biết nhau từ nhỏ. Vào cuối năm 2018, Hoàng Thị V tự nguyện đến nhà chung sống với Cô Văn C như vợ chồng. Quá trình chung sống, bị cáo Cô Văn C và Hoàng Thị V đã nhiều lần có quan hệ tình dục với nhau tại phòng ngủ của bị cáo C, làm cho bị hại Hoàng Thị V có thai. Thời điểm bị cáo Cô Văn C

quan hệ tình dục lần đầu với bị hại V khi V được 15 tuổi 7 tháng, đến ngày 01/10/2019, Hoàng Thị V sinh con thứ nhất là Cô Thị Trà M. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo C1 Văn C đã phạm vào tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi với tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm a, khoản 2, Điều 145 của Bộ luật Hình sự và “Làm nạn nhân có thai” theo điểm d, khoản 2, Điều 145 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 07A/CT-VKSCBG-KV ngày 24/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng truy tố bị cáo Cô Văn C về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo điểm a, d, khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo được bố mẹ nuôi dưỡng, học tập đến lớp 6/12, tại địa phương phong tục lấy chồng lấy vợ sớm vẫn còn tồn tại, bị cáo cũng bị ảnh hưởng bởi phong tục tập quán này, hiện nay bị cáo đang phải chấp hành hình phạt tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước hành vi bị cáo Tàng trữ trái phép chất ma túy bị xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị cáo không bị tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị hại V tự nguyện đến sinh sống với bị cáo và phong tục địa phương còn lạc hậu về nạn tảo hôn, bị cáo bị ảnh hưởng bởi phong tục tập quán lạc hậu này do đó bị cáo phạm tội do lạc hậu; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước phiên tòa gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, tại phiên tòa, bị hại xác nhận vợ chồng đang hạnh phúc và phải nuôi con 02 còn nhỏ, xin giảm nhẹ hình phạt nhất cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm m, s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Bị cáo có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe đối với bị cáo. Mức hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt từ 03 năm tù đến 10 năm tù. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được áp dụng khoản 1, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp, được chấp nhận. Hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án

nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng, do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung cả 02 bản án đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trước phiên toà, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, bị hại đã nhận tiền xong. Tại phiên toà, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự: Tại phiên toà, bị cáo C nộp đơn xin miễn án phí, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Lời nói sau cùng của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Cô Văn C phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a, d, khoản 2, Điều 145; điểm s, b, m, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cô Văn C 01 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 02 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2025.

3. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cô Văn C.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều

2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa;
- Phân trại tạm giam BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim

